

## BIỂU TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA

Hồ sơ dự thảo Nghị Quyết quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

(Kèm theo báo cáo số: /BC-SNNMT ngày /6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Nhóm vấn đề hoặc điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
<b>DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH</b>				
<b>I. CÁC Ý KIẾN GÓP Ý THAM GIA</b>				
1	Đối với nội dung dự thảo Nghị Quyết	Sở Tư pháp	<p>1. Đối với dự thảo Nghị quyết</p> <p>a) Đối với nội dung Điều 1</p> <p>- Tại điểm a khoản 1 Điều 1 của dự thảo Nghị quyết quy định phạm vi điều chỉnh có nội dung như sau “Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định tại Điều 26, Điều 30 và Điều 35 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia”. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, lược bỏ đoạn từ “theo quy định tại Điều 26, Điều 30 và Điều 35 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia” cho ngắn gọn hơn vì nội dung quy định như dự thảo là thừa, không cần thiết. Hơn nữa, nội dung của dự thảo Nghị quyết ngoài quy định cụ thể các nội dung trên, còn có nội dung quy định về “nguyên tắc hỗ trợ”....</p> <p>- Tại điểm b dự thảo Nghị quyết có nội dung như sau: “Những nội dung khác không được quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành”, đề nghị cơ quan</p>	Nhất trí tiếp thu và điều chỉnh cho phù hợp

		<p>soạn thảo rà soát để lược bỏ nội dung quy định này vì thừa, không cần thiết.</p> <p>b) Đối với nội dung Điều 3</p> <p>- Tên gọi khoản 3 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết có nội dung như sau “Dự án phát triển sản xuất cộng đồng”. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa lại thành “Dự án phát triển sản xuất của cộng đồng” cho chính xác theo nhiệm vụ giao cho HĐND tỉnh quy định tại Điều 30 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.</p> <p>- Khoản 3 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết quy định định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ có nội dung như sau:</p> <p>“a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); phụ nữ thuộc hộ nghèo; hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>b) Đối với Tổ hợp tác, nhóm hộ và các hộ gia đình còn lại khác: Hỗ trợ 90% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt”. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP thì HĐND quyết định “định mức hỗ trợ cho 01 đối tượng người dân, hộ gia đình tham gia dự án hoặc tăng quy mô hỗ trợ vốn thực hiện 01 dự án trên 03 tỷ đồng/01 dự án phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của địa phương”. Như vậy, HĐND cần quy định định mức hỗ trợ cho 01 đối tượng người dân, hộ gia đình khi tham gia dự án hoặc tăng quy mô hỗ trợ vốn thực hiện 01 dự án trên 3 tỷ đồng/01 dự án phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương chứ không phải quy định định mức hỗ trợ cho “Tổ hợp tác”, “nhóm hộ” như dự thảo văn bản. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp, đảm bảo theo đúng nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.</p> <p>Bên cạnh đó, tại Điều 3 của dự thảo Nghị quyết đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát đối tượng hỗ trợ là “hộ nghèo” và “phụ nữ thuộc hộ nghèo” cùng mức hỗ trợ là chồng lẫn về đối</p>	
--	--	--	--

		<p>tượng hỗ trợ vì phụ nữ thuộc hộ nghèo đã là đối tượng nằm trong “hộ nghèo”, do đó cần rà soát để chỉnh sửa lại cho chính xác và phù hợp hơn.</p> <p>c) Về phần “Nơi nhận”</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa lại tên cơ quan từ “Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp” thành “Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp” cho chính xác hơn theo quy định tại Nghị định số 09/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.</p>	
		<p>d) Nội dung khác</p> <p>Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định nguyên tắc phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia thì ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện đầu tư, thực hiện các chính sách hỗ trợ tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới, biển đảo. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, quy định mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất của cộng đồng tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết theo hướng phân định mức hỗ trợ theo địa bàn xã thuộc khu vực I, II, III cho phù hợp và đảm bảo theo quy định.</p>	<p>Không tiếp thu, lý do: Đa số các xã trên địa bàn toàn tỉnh thuộc khu vực 3 (có 32 xã thuộc khu vực 3); các xã còn lại (03 xã Tân Uyên, xã Bình Lư, xã Mường Than thuộc khu vực 2; 01 xã Than Uyên thuộc khu vực 1) đều thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi là đối tượng phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 11, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP (<i>....tập trung bố trí ngân sách trung ương để thực hiện đầu tư, thực hiện các chính sách hỗ trợ tại địa bàn có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới, biển đảo.</i>)</p>
		<p>2. Đối với thành phần hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi thẩm định</p> <p>Hồ sơ để gửi Sở Tư pháp thẩm định thì thành phần hồ sơ phải đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, gồm các tài liệu sau:</p> <p>(1) Văn bản đề nghị thẩm định;</p> <p>(2) Dự thảo tờ trình;</p> <p>(3) Dự thảo Nghị quyết;</p> <p>(4) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật Nghị định số</p>	<p>Nhất trí tiếp thu và điều chỉnh cho phù hợp</p>

			72/2023/NQHĐND tỉnh ngày 08/12/2023 của HDDND tỉnh; (5) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết; (6) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.	
2	Đối với nội dung dự thảo Nghị Quyết	Thanh Tra tỉnh	<p>1. Tại khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết:</p> <p>- Tiêu đề khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết “Định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ”: đề nghị rà soát làm rõ và sửa lại cho phù hợp:</p> <p>+ Trường hợp có “Dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ” thì đề nghị sửa tiêu đề khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết thành “Dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ”. Đồng thời bổ sung quy định “Mức hỗ trợ 01 dự án” cụ thể là bao nhiêu tương tự như mục a khoản 1 và khoản 2 Điều 3. Lý do: Quy định ngắn gọn người đọc dễ hiểu và đồng nhất với cách trình bày như khoản 1, khoản 2 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết; mặt khác, phù hợp với mục đích của tên tiêu đề Điều 3 “Mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất” và tên của Nghị quyết “Quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu”.</p> <p>+ Trường hợp có “Dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ” thì đề nghị bỏ cụm từ “Dự án” ở tiêu đề khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết. Lý do: để phù hợp giữa tiêu đề và nội dung.</p>	<p>Không tiếp thu, lý do: Tại khoản 3 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết quy định về định mức hỗ trợ đối với các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thực hiện theo nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Nghị định số 58/2025/NĐ-CP. Theo quy định này, ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện 01 dự án tối đa 03 tỷ đồng/dự án; đồng thời giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức hỗ trợ cho đối tượng tham gia dự án hoặc quyết định tăng quy mô hỗ trợ vốn thực hiện 01 dự án trên 03 tỷ đồng phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của địa phương.</p> <p>Trong quá trình xây dựng Nghị quyết, cơ quan soạn thảo không đề xuất tăng quy mô hỗ trợ vốn thực hiện 01 dự án vượt mức 03 tỷ đồng/dự án do nguồn lực ngân sách địa phương còn hạn chế. Do đó, mức hỗ trợ tối đa 03 tỷ đồng/dự án được thực hiện theo quy định của Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và không cần quy định lại trong Nghị quyết.</p> <p>Trên cơ sở đó, khoản 3 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết chỉ quy định định mức hỗ trợ đối với các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ; không quy</p>

				<p>định mức hỗ trợ cho 01 dự án. Vì vậy, tiêu đề khoản 3 được xây dựng là “Định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ” nhằm phản ánh đúng nội dung điều chỉnh. Việc sửa tiêu đề thành “Dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ”, bổ sung quy định về “Mức hỗ trợ 01 dự án” hoặc bỏ cụm từ “dự án” trong tiêu đề khoản 3 là không cần thiết, do không phù hợp với nội dung quy định của khoản này.</p>
			<p>2. Đề nghị lược bỏ khoản 1 Điều 5 của dự thảo “Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2026”. Vì nội dung này đã được thể hiện ở khoản 4 Điều 5 của dự thảo Nghị quyết.</p>	<p>Nhất trí tiếp thu điều chỉnh cho phù hợp</p>
3	Đối với nội dung dự thảo Nghị Quyết	Sở Dân tộc và Tôn giáo	<p>- Tại gạch đầu dòng 1, 2 điểm b, khoản 2, điều 3 và tại điểm a, khoản 3, điều 3 ghi: “Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); phụ nữ thuộc hộ nghèo; hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt”, đề nghị sửa thành: “Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); phụ nữ thuộc hộ nghèo; hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng; hộ gia đình có chủ hộ là người dân tộc Mảng, La Hủ: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.</p>	<p>Không tiếp thu, lý do: Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ 100% kinh phí đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng. Đây là các đối tượng yếu thế, cần được ưu tiên hỗ trợ để phát triển sản xuất, cải thiện sinh kế và nâng cao thu nhập.</p> <p>Tỉnh Lai Châu có trên 20 dân tộc cùng sinh sống, trong đó phần lớn là đồng bào dân tộc thiểu số. Việc đề xuất định mức hỗ trợ trong dự thảo Nghị quyết được thực hiện theo tiêu chí về điều kiện kinh tế, mức độ khó khăn của các hộ và đối tượng ưu tiên nhóm yếu thế, không phân biệt theo</p>

				<p>thành phần dân tộc.</p> <p>Đối với hộ gia đình có chủ hộ là người dân tộc Mảng, La Hủ, trường hợp thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ mới thoát nghèo thì đã thuộc đối tượng được hưởng mức hỗ trợ 100% kinh phí theo quy định của dự thảo Nghị quyết. Trường hợp không thuộc các nhóm đối tượng nêu trên thì thuộc nhóm các hộ gia đình còn lại và được đề xuất hỗ trợ 80% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ này bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế, khả năng cân đối nguồn lực của địa phương và nguyên tắc hỗ trợ công bằng giữa các đối tượng thụ hưởng.</p> <p>Vì vậy, đề nghị giữ nguyên quy định của dự thảo Nghị quyết</p>
4	Đối với nội dung dự thảo Nghị Quyết	UBND xã Tòa Sín Chải	<p>- Tại Gạch đầu dòng thứ 3 điểm b khoản 1 Điều 3 đề nghị sửa đổi như sau: “- Các tổ hợp tác, nhóm cộng đồng, các hộ gia đình còn lại khác: Hỗ trợ 100% đối với thôn, bản đặc biệt khó khăn, hỗ trợ 80% đối với thôn, bản còn lại kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.</p> <p>- Tại Gạch đầu dòng thứ 2 điểm b khoản 2 Điều 3 đề nghị sửa đổi như sau: “- Đối với tổ hợp tác, nhóm hộ và các hộ gia đình còn lại khác: Hỗ trợ 100% đối với thôn, bản đặc biệt khó khăn, hỗ trợ 90% đối với thôn, bản còn lại kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.</p> <p>- Tại điểm b khoản 3 Điều 3 đề nghị sửa đổi như sau: “- Đối với tổ hợp tác, nhóm hộ và các hộ gia đình còn lại khác: Hỗ trợ 100% đối với thôn, bản đặc biệt khó khăn, hỗ trợ 90% đối với thôn, bản còn lại kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp</p>	<p>Không tiếp thu, lý do: Nghị định số 358/2025/NĐ-CP không quy định mức hỗ trợ đối với các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất theo tiêu chí thôn, bản đặc biệt khó khăn hoặc thôn, bản còn lại. Tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP chỉ quy định nguyên tắc ưu tiên: “... tập trung bố trí nguồn lực ngân sách trung ương để thực hiện đầu tư và các chính sách hỗ trợ tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới, hải đảo.”; không quy định bắt buộc việc áp dụng các</p>

			<p>có thẩm quyền phê duyệt”.</p>	<p>mức hỗ trợ khác nhau theo từng loại thôn, bản đối với các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất.</p> <p>Mặt khác, nhóm đối tượng là tổ hợp tác, nhóm cộng đồng, nhóm hộ và các hộ gia đình còn lại có điều kiện sản xuất, khả năng tiếp cận thị trường và huy động nguồn lực đối ứng tốt hơn so với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng ưu tiên khác. Do đó, việc quy định mức hỗ trợ thấp hơn và yêu cầu có phần vốn đối ứng là phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm công bằng giữa các nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách.</p> <p>Việc đề xuất mức hỗ trợ như tại dự thảo Nghị quyết nhằm khuyến khích người dân tham gia các dự án phát triển sản xuất, liên kết theo chuỗi giá trị, đồng thời nâng cao trách nhiệm, tính chủ động của các đối tượng tham gia thông qua việc đóng góp một phần kinh phí thực hiện dự án. Quy định này cũng góp phần sử dụng hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, tránh tâm lý trông chờ, ỷ lại vào ngân sách.</p> <p>Bên cạnh đó, việc nâng mức hỗ trợ lên 100% đối với thôn, bản đặc biệt khó khăn và tăng tỷ lệ hỗ trợ đối với các thôn, bản còn lại như đề xuất sẽ làm tăng nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách, trong khi khả năng cân đối nguồn lực ngân sách địa</p>
--	--	--	----------------------------------	---

				<p>phương còn hạn chế.</p> <p>Vì vậy, để bảo đảm phù hợp với quy định của Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, điều kiện thực tiễn của địa phương và nguyên tắc nâng cao trách nhiệm của đối tượng thụ hưởng, dự thảo Nghị quyết giữ nguyên các mức hỗ trợ như đã quy định.</p>
5	Về dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh	Sở Tài Chính	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung tổng nhu cầu vốn để triển khai thực hiện chính sách trong Tờ trình.</p> <p><b>Lý do:</b> Mức hỗ trợ trong dự thảo Nghị quyết tăng cao so với giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa 80% tổng kinh phí dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn, 70% trên địa bàn khó khăn và 50% trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia.</li> <li>- Dự án phát triển sản xuất cộng đồng: mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước 95% tổng kinh phí thực hiện một dự án, phương án sản xuất, dịch vụ trên địa bàn đặc biệt khó khăn; 80% tổng kinh phí thực hiện một dự án, phương án sản xuất, dịch vụ trên địa bàn khó khăn; 60% tổng chi phí thực hiện một dự án, phương án sản xuất, dịch vụ trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia.</li> </ul> <p>Do đó, cần dự kiến số lượng dự án thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030, tổng nhu cầu vốn, khả năng cân đối vốn. Qua đó, làm rõ tính khả thi của chính sách.</p>	<p>Tiếp thu một phần, điều chỉnh cho phù hợp: Cơ quan soạn thảo thống nhất với ý kiến về việc cần đánh giá khả năng cân đối nguồn lực để bảo đảm tính khả thi của chính sách. Theo đó, trong Tờ trình và Báo cáo thuyết minh dự thảo Nghị quyết sẽ bổ sung nội dung đánh giá về nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách và nguồn vốn dự kiến bố trí trong giai đoạn 2026 - 2030.</p> <p>Tuy nhiên, việc xác định cụ thể tổng nhu cầu vốn để thực hiện chính sách trong cả giai đoạn 2026 - 2030 hiện chưa có đủ cơ sở để tính toán chính xác, do số lượng dự án, phương án hỗ trợ hằng năm phụ thuộc vào nhu cầu đăng ký của người dân, cộng đồng, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp; kết quả phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền; khả năng huy động nguồn vốn đối ứng của các chủ thể tham gia; đồng thời phụ thuộc vào nguồn vốn Trung ương giao và khả năng cân đối ngân sách địa phương trong từng năm.</p> <p>Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ</p>



			<p>trợ tối đa và nguyên tắc hỗ trợ làm cơ sở để tổ chức thực hiện. Việc quyết định số lượng dự án được hỗ trợ, mức kinh phí bố trí hằng năm sẽ được thực hiện trong quá trình xây dựng kế hoạch và phân bổ vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương.</p> <p>Mặc dù mức hỗ trợ đối với một số nội dung trong dự thảo Nghị quyết cao hơn so với giai đoạn 2021 - 2025, nhưng việc thực hiện đảm bảo nguyên tắc hỗ trợ và nằm trong phạm vi nguồn vốn được giao hằng năm, giai đoạn, không làm phát sinh nghĩa vụ ngân sách vượt quá khả năng cân đối của địa phương. Do đó, chính sách bảo đảm tính khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện.</p>
	Đối với nội dung dự thảo Nghị Quyết	<p>1). Về nội dung mức hỗ trợ quy định tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thuyết minh làm rõ cơ sở của việc không quy định mức hỗ trợ dự án theo địa bàn thực hiện (<i>như: vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã khu vực I, II, III</i>), mà áp dụng mức hỗ trợ chung cho tất cả các dự án triển khai trên địa bàn tỉnh.</p> <p><b>Lý do:</b> Việc áp dụng mức hỗ trợ chung cho tất cả các địa bàn là thay đổi so với giai đoạn trước, do đó cần thuyết minh làm rõ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn và tác động của chính sách để bảo đảm tính phù hợp, khả thi.</p>	<p>Tiếp thu một phần, điều chỉnh cho phù hợp: Cơ sở xây dựng dự thảo Nghị quyết là các quy định của Trung ương về cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030, trong đó giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Các quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn hiện hành không bắt buộc phải xác định mức hỗ trợ theo địa bàn (xã khu vực I, II, III vùng đồng bào</p>

				<p>dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn) mà cho phép địa phương chủ động lựa chọn tiêu chí hỗ trợ phù hợp.</p> <p>Về thực tiễn, sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, tỉnh Lai Châu có 32/36 xã thuộc khu vực III, 04 xã thuộc khu vực I, II; đồng thời toàn bộ các xã đều thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nhìn chung điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, sản xuất và đời sống của người dân trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn.</p> <p>Việc tiếp tục phân chia mức hỗ trợ theo địa bàn sẽ làm tăng tính phức tạp trong quá trình tổ chức thực hiện, quản lý và thanh quyết toán nguồn vốn, trong khi đã số các đối tượng thụ hưởng có điều kiện sản xuất tương đồng.</p> <p>Dự thảo Nghị quyết không đề xuất hỗ trợ theo địa bàn mà đề xuất hỗ trợ theo nhóm đối tượng thụ hưởng (hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người có công với cách mạng và các đối tượng ưu tiên khác). Cách tiếp cận này bảo đảm nguồn lực hỗ trợ tập trung đúng đối tượng khó khăn, yếu thế, phù hợp với yêu cầu giảm nghèo bền vững và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.</p> <p>Việc áp dụng mức hỗ trợ thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh góp tạo thuận lợi</p>
--	--	--	--	---

				cho quá trình triển khai thực hiện, bảo đảm công khai, minh bạch, dễ áp dụng, đồng thời vẫn bảo đảm ưu tiên đối với các đối tượng khó khăn thông qua cơ chế xác định mức hỗ trợ theo nhóm đối tượng thụ hưởng.  Vì vậy, đề nghị giữ nguyên quy định của dự thảo Nghị quyết.
			(2). Về “Nơi nhận”: Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa lại tên của cơ quan nhận văn bản là “Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp” thành “Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp”. <b>Lý do:</b> Đảm bảo chính xác với tên gọi theo Nghị định số 09/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.	Nhất trí tiếp thu, điều chỉnh cho phù hợp
<b>II</b>	<b>CÁC ĐƠN VỊ NHẤT TRÍ</b>			
1	UBMTTQ Việt Nam tỉnh Lai Châu (Văn bản số 528/ /MTTQ-BTT ngày 12 tháng 6 năm 2026)			
2	Sở Khoa học và Công nghệ (Văn bản số 2289/SKHCN-VP ngày 08 tháng 6 năm 2026)			
3	Sở Xây dựng (Văn bản số 2822/SXD-QHKT&NO ngày 08 tháng 6 năm 2026)			
4	Sở Giáo dục và Đào tạo (Văn bản số 2325/SGDDĐT-KHTC ngày 09 tháng 6 năm 2026)			
5	Công An tỉnh Lai Châu (Văn bản số 4291/CAT-PTM ngày 10 tháng 6 năm 2026)			
6	Sở Y tế (Văn bản số 2295/SYT-KHTC ngày 11 tháng 6 năm 2026)			
7	Sở Công thương (Văn bản số 2538/SCT- QLTM ngày 11 tháng 6 năm 2026)			
8	Ban Quản Lý Khu Kinh Tế (Văn bản số 1216/BQL-NV ngày 10 tháng 6 năm 2026)			
9	Sở Văn hoá, Thể Thao và Du lịch (Văn bản số 2127/SVHTTDL-VP ngày 12 tháng 6 năm 2026)			
10	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng (Văn bản số 1135/BQLDA-TCHC ngày 14 tháng 6 năm 2026)			
11	Xã Mường Kim (Văn bản số 3076/UBND-KT ngày 08 tháng 6 năm 2026)			
12	Xã Mù Cạ (Văn bản số 1057/UBND-KT ngày 9 tháng 6 năm 2026)			
13	Xã Pa Ủ (Văn bản số 759/UBND-TH ngày 10 tháng 6 năm 2026)			
14	Xã Tà Tổng (Văn bản số 298/UBND-TH ngày 10 tháng 6 năm 2026)			
15	Xã Lê Lợi (Văn bản số 1470/UBND-TH ngày 11 tháng 6 năm 2026)			
16	Xã Nậm Sỏ (Văn bản số 849/UBND-PKT ngày 11 tháng 6 năm 2026)			
17	Xã Nậm Tăm (Văn bản số 1219/UBND-TH ngày 12 tháng 6 năm 2026)			

18	Xã Khổng Lào (Văn bản số 1056/UBND-KT ngày 12 tháng 6 năm 2026)
19	Xã Khun Há (Văn bản số 2009/UBND-PKT ngày 15 tháng 6 năm 2026)